CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Ngày 30/06/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.9%	**-**	**33.3%**

DT thuần
Q2/25
20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.9| -47.2%
YoY: ▼21.4| -51.6%

LN thuần
Q2/25
-2.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.48| 55.0%
YoY: ▲ 3.05| 60.0%

LN sau thuế
Q2/25
-4.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.31| -7.0%
YoY: ▲ 0.28| 5.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-18.4%
YoY: +/-▼ 9.2%

ROE (TTM)
Q2/25
0.9%
YoY: +/-▲ 0.1%

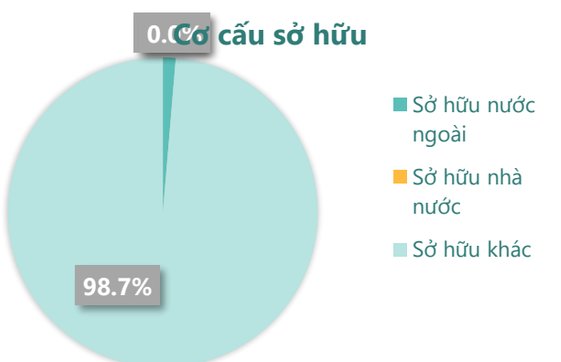
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	257,575
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.11
EPS	87
P/E	18.5

DT thuần
6T 2025
58.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.9| -24.6%

LN thuần
6T 2025
-6.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.45| 34.9%

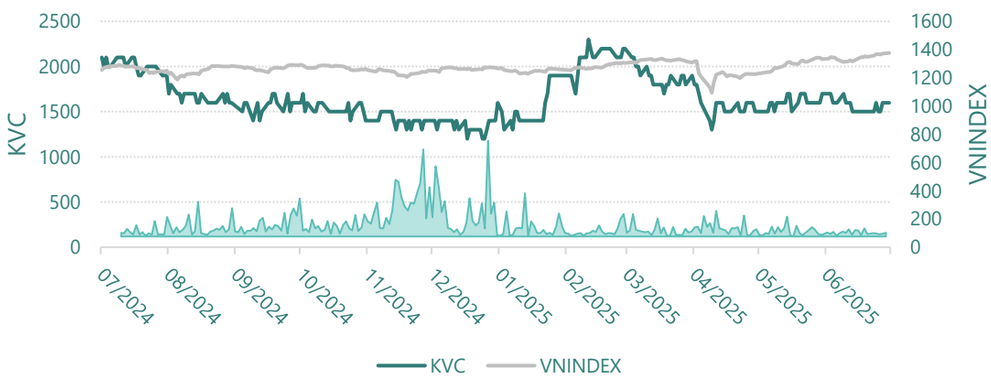
LN sau thuế
6T 2025
-9.34
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.76| 7.2%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



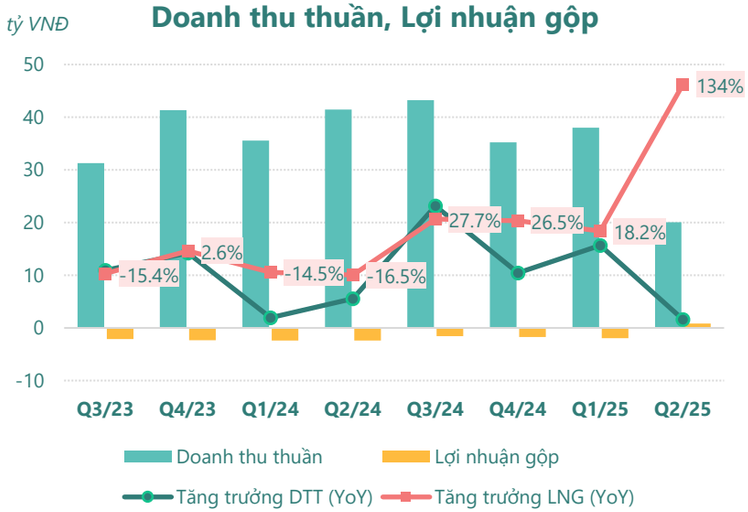
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

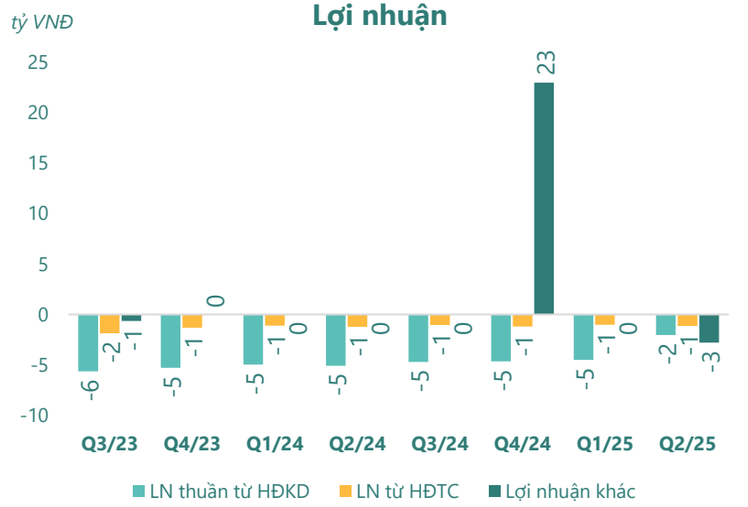
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



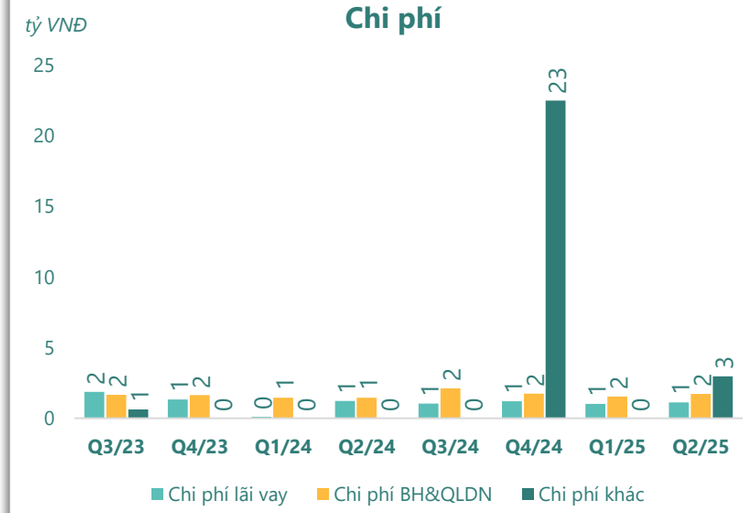
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



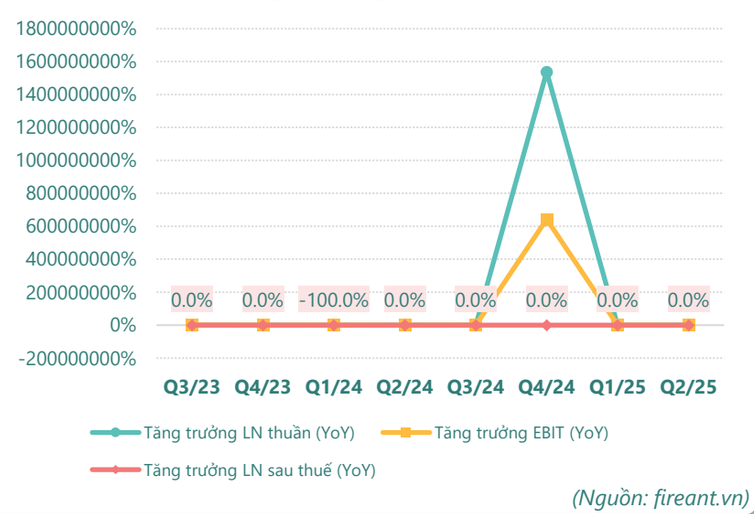
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



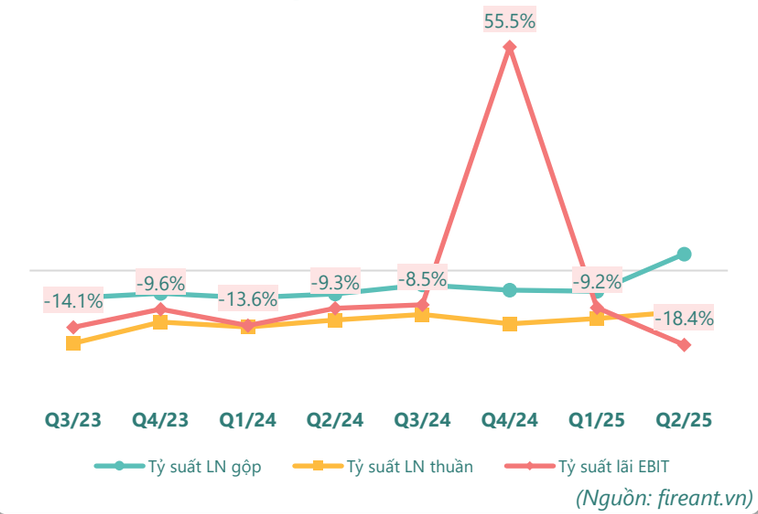
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



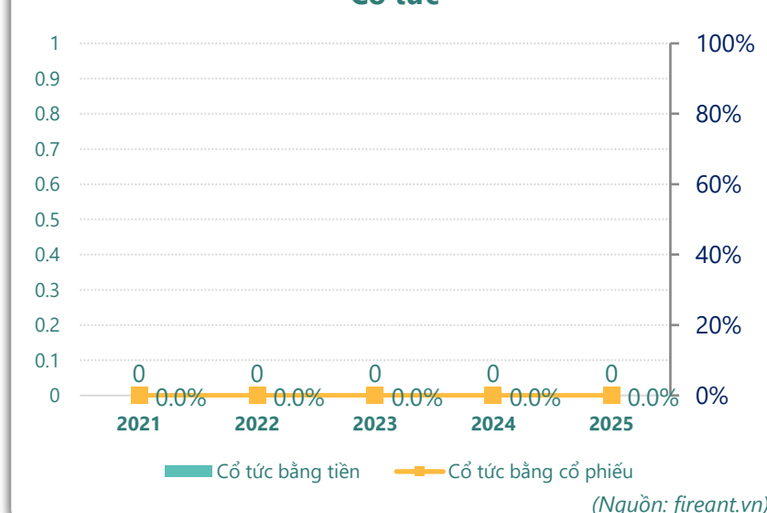
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

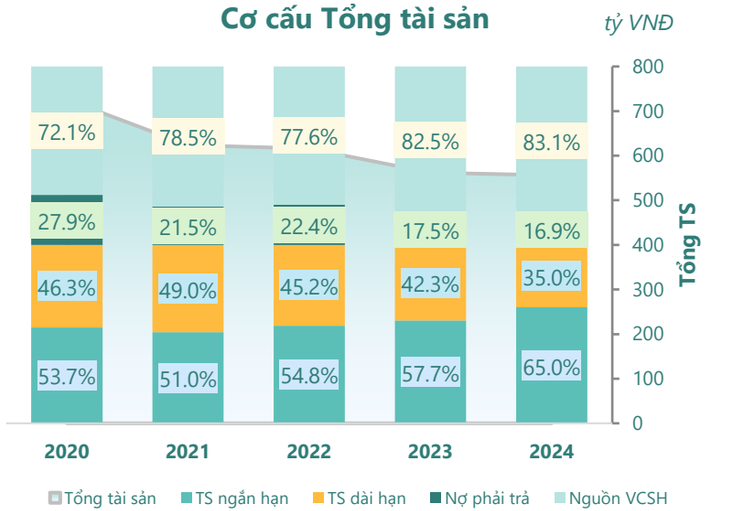
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

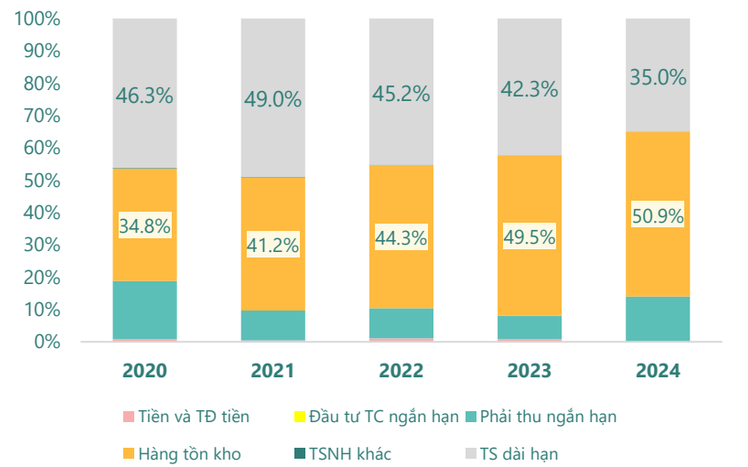
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



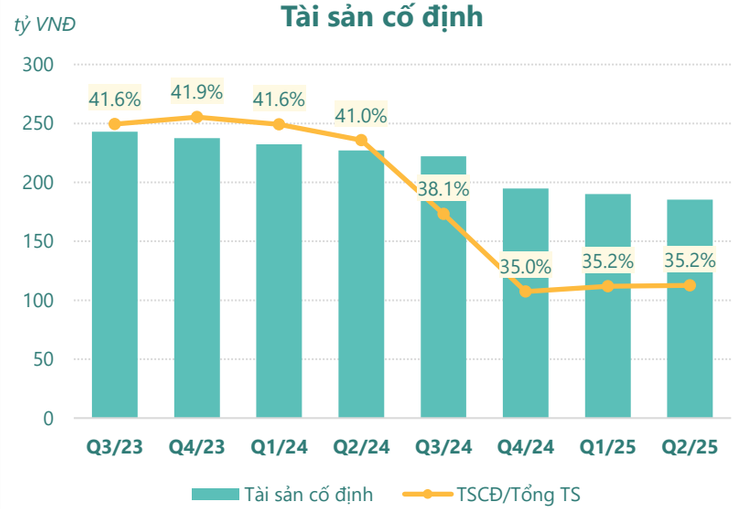
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



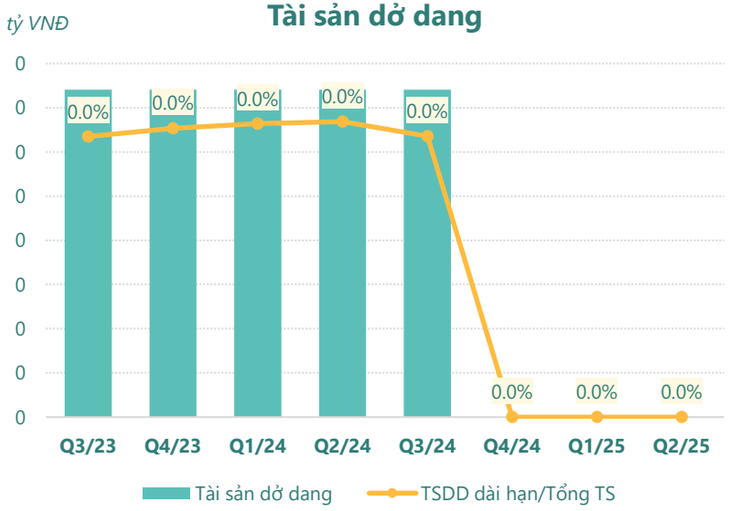
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



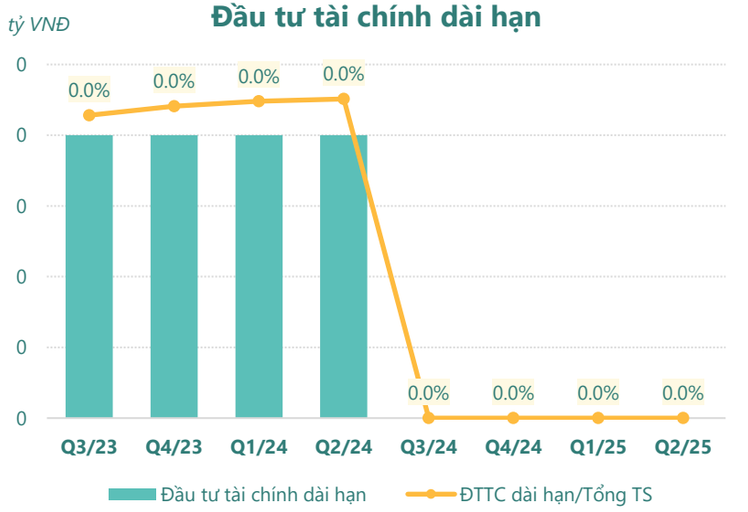
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



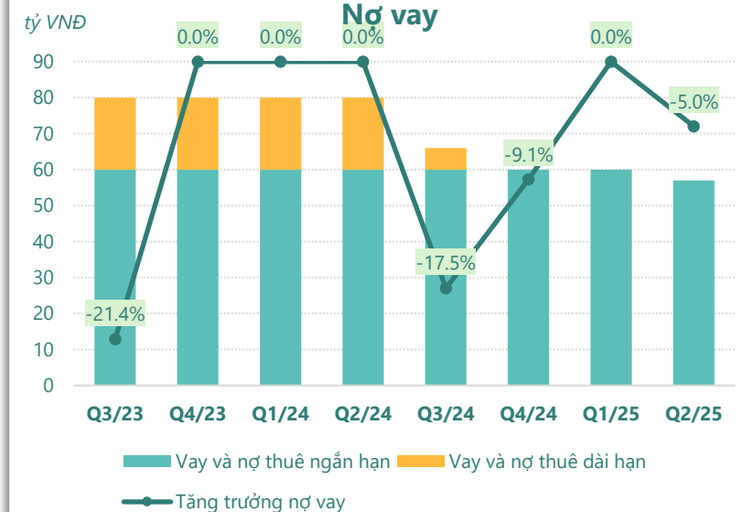
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

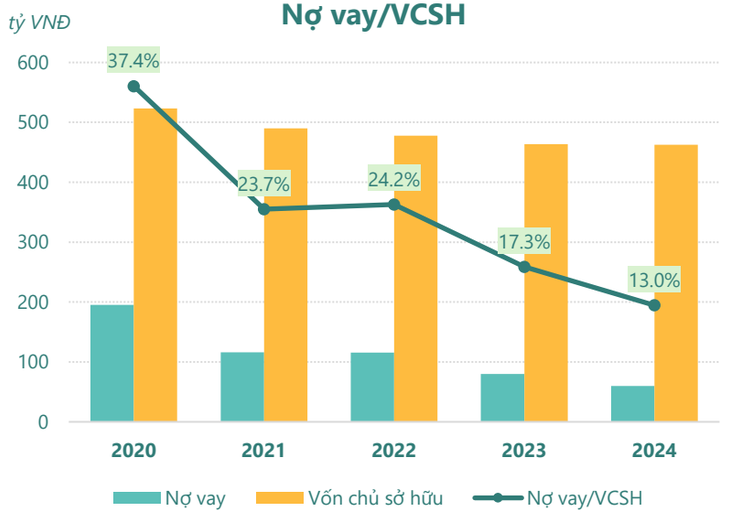
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

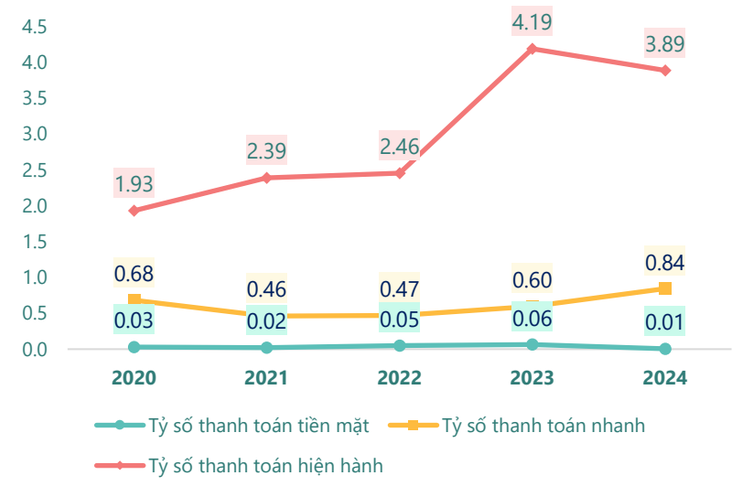
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



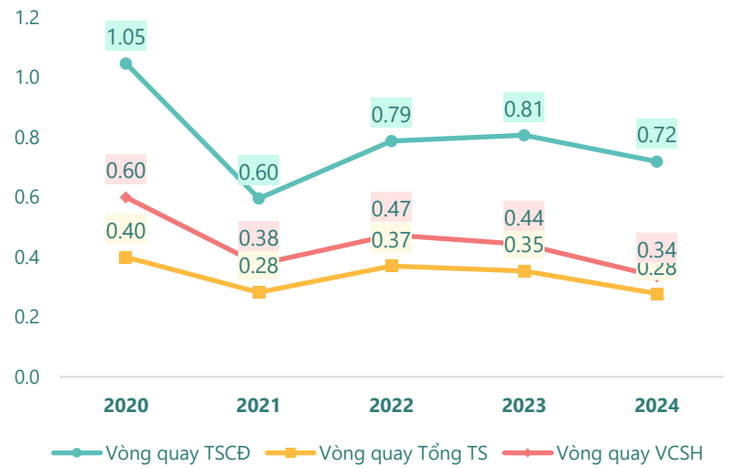
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



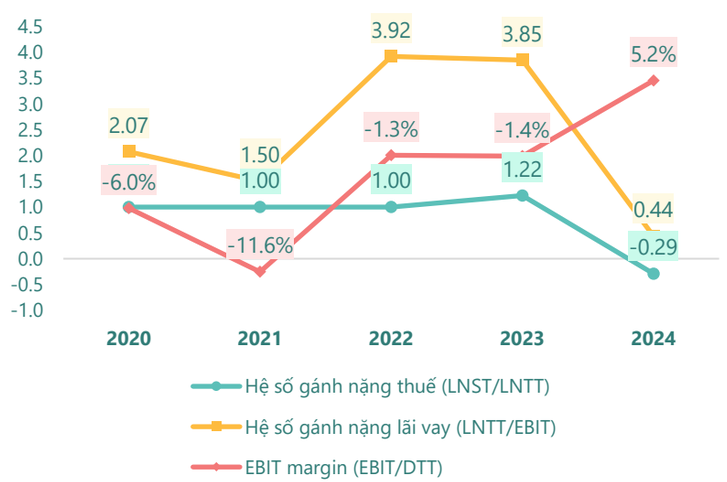
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



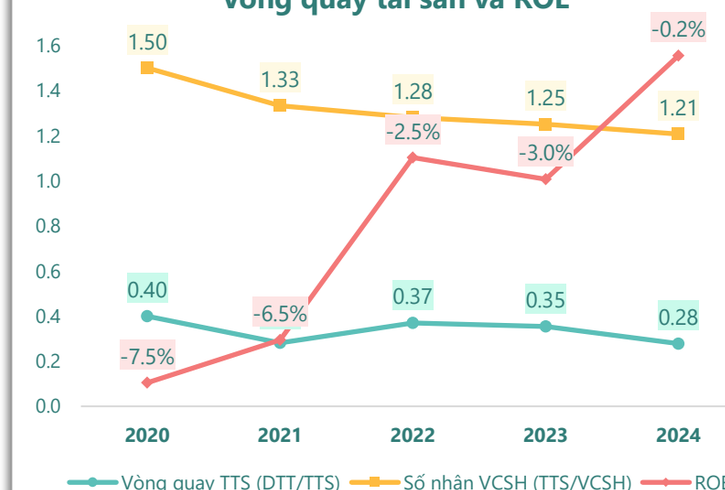
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



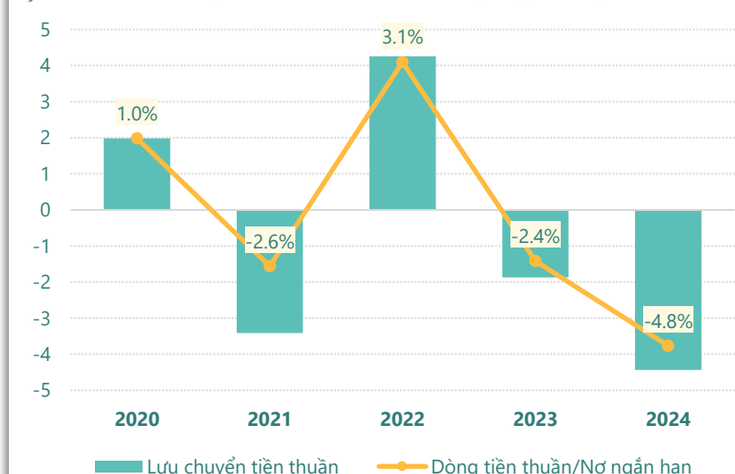
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**20.1**	**41.5**	**-51.6%**	**58.1**	**77.0**	**-24.6%**
Giá vốn hàng bán	19.2	43.9	-56.2%	59.2	81.8	-27.6%
Lợi nhuận gộp	0.83	-2.41	134%	-1.14	-4.82	76.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-97.1%
Chi phí TC	1.13	1.22	-7.4%	2.14	2.34	-8.3%
Chi phí lãi vay	1.13	1.22	-7.4%	2.14	1.34	60.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.56	0.16	250%	1.12	0.33	236%
Chi phí QLDN	**1.17**	**1.29**	**-9.5%**	**2.14**	**2.57**	**-16.6%**
LN thuần từ HĐKD	-2.03	-5.08	60.0%	-6.55	-10.0	34.9%
Lợi nhuận khác	**-2.79**	**-0.01**	**-27834%**	**-2.79**	**-0.01**	**-19277%**
LN trước thuế	-4.82	-5.10	5.4%	-9.34	-10.1	7.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.82**	**-5.10**	**5.4%**	**-9.34**	**-10.1**	**7.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.82**	**-5.10**	**5.4%**	**-9.34**	**-10.1**	**7.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.84	-7.87	16.3	-44.5	3.91	4.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.19	45.5	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0.00	-14.0	-6.00	0	-3.00
Tiền đầu kỳ	4.96	10.8	2.92	5.45	0.53	4.44
Lưu chuyển tiền thuần	**5.84**	**-7.88**	**2.53**	**-4.93**	**3.91**	**1.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	2.92	5.45	0.53	4.44	5.70

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**526**	**556**	**-5.4%**
Tài sản ngắn hạn	341	362	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	5.70	0.53	979%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	47.4	77.3	-38.7%
Hàng tồn kho	287	283	1.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.70	-1.8%
Tài sản dài hạn	**185**	**195**	**-4.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	185	195	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.9	93.8	-22.3%
Nợ ngắn hạn	**72.1**	**93.1**	**-22.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.0	60.0	-5.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.08	24.6	-71.2%
Nợ dài hạn	0.76	0.76	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**453**	**463**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**453**	**463**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	495	495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)